

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST.

Ngày: 05 - 10 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Giang Văn H; sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp x, xã Châu K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim T; sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp x, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 13/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Giang Văn H trình bày: Ông H và bà Lê Thị Kim T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: I, ngày 10/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại nên cuộc sống không còn hạnh phúc, ông H và bà T sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì ông H và bà T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống,

ông H và bà T có 01 người con chung là Giang Lê Bảo N, sinh ngày 06/02/2009 hiện nay sống chung với bà T; về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Giang Văn H yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim T; về con chung: Ông H thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông H không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị Kim T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T, nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Lê Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Lê Thị Kim T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng ông Giang Văn H và bà Lê Thị Kim T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Giang Văn H; giao cháu Giang Lê Bảo N cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Ông Giang Văn H xác định không có nên không đặt ra xem xét; ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Lê Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Giang Văn H và bà Lê Thị Kim T tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: I, ngày 10/3/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ông H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H cho rằng nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại nên cuộc sống không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì ông H và bà T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông H và bà T đoàn tụ với nhau nhưng bà T vẫn vắng mặt và ông H vẫn kiên quyết ly hôn với bà T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông H và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông H xin ly hôn với bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Ông Giang Văn H xác định trong thời gian chung sống, ông H và bà Lê Thị Kim T có 01 người con chung là Giang Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 06/02/2009; ông H thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi ông H và bà T sống ly thân cho đến nay cháu N do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền thăm nom con chung cho ông H; không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con chung và tại phiên tòa ông Giang Văn H không thống nhất cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Giang Văn H xác định trong thời gian chung sống ông H và bà Lê Thị Kim T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Giang Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3

Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giang Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Giang Văn H được ly hôn với bà Lê Thị Kim T.

Về con chung: Giao cháu Giang Lê Bảo N, sinh ngày 06/02/2009 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Giang Văn H không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền thăm nom con chung cho ông H; không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Giang Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004460 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Giang Văn H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã Châu Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung